

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ KIM HOA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:22/BC-UBND

Kim Hoa, ngày 17 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

**Tổng kết kết quả thực hiện cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030**

Thực hiện Kế hoạch 44/KH-UBND, ngày 09/3/2020 của UBND huyện Hương Sơn về tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020. Ủy ban nhân dân xã Kim Hoa báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011-2020.

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VIỆC TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 về chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và trên cơ sở các đề án của các Bộ, ngành, các văn bản chỉ đạo của tỉnh, huyện. Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức triển khai học tập, quán triệt và tuyên truyền rộng rãi trên hệ thống loa truyền thanh xã. Bên cạnh đó, thông qua các cuộc họp giao ban, hội nghị quán triệt chủ trương về nội dung thực hiện công tác cải cách hành chính.

Thông qua công tác phổ biến, quán triệt về công tác CCHC nên đội ngũ cán bộ, công chức đã nhận thức đầy đủ hơn về công tác CCHC, chất lượng, hiệu quả việc thực hiện CCHC được nâng lên qua từng năm. Nội dung chương trình, kế hoạch CCHC được triển khai thực hiện, quá trình thực hiện đều có sự phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành và có sự hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời của cơ quan chuyên môn cấp trên.

Hàng năm Đảng ủy, HĐND xã ban hành Nghị quyết về chỉ đạo thực hiện công tác Cải cách hành chính. Ủy ban nhân dân xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính. Bên cạnh đó, UBND xã ban hành các kế hoạch riêng theo từng lĩnh vực trong công tác CCHC như: Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công

của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, công tác cải cách hành chính xã Kim Hoa đã đạt được một số kết quả nhất định trên các lĩnh vực như: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính.

b. Tồn tại, hạn chế.

Tuy nhiên, bên cạnh một số kết quả đã đạt được, công tác cải cách hành chính của xã trong trong giai đoạn 2011-2020 vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng với yêu cầu đổi mới toàn diện theo tinh thần và mục tiêu chung mà Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ đã đề ra, cụ thể: chưa có các mục tiêu đột phá trong cải cách hành chính của giai đoạn; cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính chưa được duy trì thực hiện đúng quy định; việc đánh giá tác động, rà soát, thủ tục hành chính chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục; việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hành chính chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ.

1. Cải cách thể chế.

Xác định công tác xây dựng văn bản là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng nên trong những năm qua xã đã quan tâm chỉ đạo thường xuyên, sâu sát công tác này. Nhờ đó công tác kiểm tra, rà soát văn bản bản quy phạm pháp luật đã đạt kết quả, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng xây dựng văn bản.

Từ năm 2011 đến năm 2020, xã đã ban hành 23 văn bản QPPL. Hàng năm, UBND xã xây dựng Kế hoạch tự rà soát văn bản. Công tác kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát hệ thống văn bản QPPL được triển khai thường xuyên, kịp thời. Việc thực hiện kiểm tra, tự kiểm tra chú trọng đến việc xem xét nội dung, tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL của địa phương, phục vụ hoạt động, quản lý nhà nước. Qua rà soát không có văn bản nào ban hành trái thẩm quyền, nội dung theo quy định văn bản cấp trên.

- Công tác góp ý văn bản QPPL được chú trọng. Trong những năm qua xã đã tập trung để thực hiện tốt việc lấy ý kiến nhân dân về các văn bản luật như Hiến pháp năm 2013, Luật chính quyền địa phương..., các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, huyện, xã.

- Về công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Hàng năm xã xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong những năm qua công tác theo dõi thi hành pháp luật đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tạo sự chuyển biến về nhận thức trong nhân dân, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Năm 2012: Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 11843, Số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền 255, Số thủ tục được thực hiện 4 tại chỗ 11.588, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hẹn 100%.

- Năm 2013: Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 11.126, Số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền 282, Số thủ tục được thực hiện 4 tại chỗ 10.847, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hẹn 100%.

- Năm 2014: Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 10.801, Số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền 186, Số thủ tục được thực hiện 4 tại chỗ 10.615, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hẹn 100%.

- Năm 2015: Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 9169, Số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền 157, Số thủ tục được thực hiện 4 tại chỗ 9012, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hẹn 100%.

- Năm 2016: Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 9.200, Số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền 155, Số thủ tục được thực hiện 4 tại chỗ 9045, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hẹn 100%.

- Năm 2017: Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 7.825, Số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền 186, Số thủ tục được thực hiện 4 tại chỗ 7.484, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hẹn 100%.

- Năm 2018: Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 8.430, Số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền 249, Số thủ tục được thực hiện 4 tại chỗ 8.181, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hẹn 100%

- Năm 2019: Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 8027, Số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền 134, Số thủ tục được thực hiện 4 tại chỗ 7.893, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hẹn 100%.

- Năm 2020 (đến 31/3/2020): Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 1245, Số lượng TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền 35, Số thủ tục được thực hiện 4 tại chỗ 1210, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hẹn 100%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

Việc tổ chức bộ máy được sắp xếp đảm bảo theo quy định. Đội ngũ cán

cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ đạt trên 80%/năm.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện đảm bảo, đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội: chính sách đối với người nghèo, chính sách đối với cán bộ, công chức. Việc chấp hành chính sách, chế độ theo quy định; Hàng năm xây dựng và triển khai thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, đồng thời căn cứ vào luật ngân sách nhà nước quy định và các văn bản hướng dẫn thực hiện dự toán hàng năm.

- Việc thực hiện tự chủ đảm bảo theo luật định, tiết kiệm tối đa các khoản chi thường xuyên.

- Việc quyết toán và công khai số liệu quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước theo quy định của Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính, giải ngân nguồn vốn đảm bảo đúng thời hạn, địa điểm và hình thức công khai.

6. Hiện đại hóa hành chính

Trong những năm qua, việc phát triển ứng dụng công nghệ thông tin được tiếp tục đẩy mạnh thực hiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong hoạt động của cơ quan.

Hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) được xây dựng và phát triển cơ bản đáp ứng nhu cầu triển khai, ứng dụng CNTT; hệ thống mạng nội bộ (mạng LAN), mạng Internet xây dựng tương đối hoàn chỉnh; Trang thông tin điện tử xã vận hành thông suốt; qua đó đã đẩy mạnh thực hiện việc cung cấp thông tin lên trang thông tin điện tử; ban biên tập được tập huấn viết tin bài cho trên trang thông tin điện tử; Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của cán bộ, công chức được chú trọng thực hiện, 90% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo máy tính, internet và các phần mềm phục vụ công vụ. Việc cập nhật thông tin về chủ trương, chính sách, các văn bản, quy định, thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, tuyên truyền trên mạng Internet.... được thực hiện kịp thời;

100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản hồ sơ công việc và ứng dụng hiệu quả trong việc trao đổi thông tin qua môi trường mạng.

Về dịch vụ công trực tuyến, đến nay có 100% thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 1,2.

- Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008(2015) trong hoạt động của cơ quan: Chưa áp dụng.

- Cơ sở vật chất tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tuy đã được đầu tư nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng được hiện đại hóa hành chính. Việc thực hiện dịch vụ công cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và qua bưu điện công ích trong những năm qua chưa thực hiện được.

- Việc thực hiện tự chủ tài chính chưa thực sự hiệu quả, việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ còn gặp nhiều khó khăn, do nguồn ngân sách còn hạn hẹp.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tuy đã đầu tư nhưng chưa đáp ứng với yêu cầu thực tế hiện nay. Một số cán bộ, công chức việc ứng dụng công nghệ thông tin đang còn hạn chế.

2.2. Nguyên nhân

Cải cách hành chính là công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự tập trung cao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, sự tham mưu thực hiện nhạy bén, sát đúng, kịp thời của các ban ngành tạo mạch xích xuyên suốt trong quá trình thực hiện. Vì vậy, trong những năm qua chưa thực sự xác định là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên. Phương pháp tổ chức triển khai thực hiện chưa có nhiều giải pháp tập trung, quyết liệt. Công tác truyền thông phục vụ cho việc triển khai các chương trình, nhiệm vụ cải cách hành chính chưa tạo ra sự thống nhất cao về nhận thức trong toàn bộ hệ thống chính trị cũng như trong nhân dân.

Nguồn lực và những điều kiện bảo đảm cần thiết cho cải cách hành chính còn nhiều hạn chế. Tính chuyên nghiệp, kỹ năng hành chính của cán bộ, công chức chưa cao. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động hành chính, trang thiết bị công sở chưa đáp ứng yêu cầu, một số cán bộ, công chức do tuổi cao cho nên việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ còn gặp nhiều khó khăn.

Người dân và các tổ chức khai thác trang thông tin điện tử của cơ quan chưa phổ biến, đặc biệt là chưa quan tâm đến dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính.

Qua triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trong những năm qua, với những kết quả đạt được và những tồn tại hạn chế, rút ra bài học kinh nghiệm như sau:

- Cần nâng cao vai trò của người đứng đầu trong công tác CCHC, thường xuyên kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện CCHC để đạt hiệu quả cao. Khen thưởng kịp thời các bộ phận ban ngành, cá nhân nhân làm tốt, đồng thời nhắc nhở, phê bình những bộ phận, cá nhân còn nhiều hạn chế.

- Tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền về CCHC; xác định CCHC là khâu đột phá cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời xem công tác CCHC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và liên tục trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

chính với cải cách tư pháp; tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến tận người dân.

- Nâng cao chất lượng công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; lập danh mục văn bản còn hiệu lực thi hành, văn bản hết hiệu lực thi hành và danh mục văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

- Tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật gắn với kiểm tra văn bản QPPL và kiểm soát thủ tục hành chính, kịp thời phát hiện và khắc phục những điểm chồng chéo, thiếu đồng bộ gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đời sống người dân.

3. Cải cách thủ tục hành chính gắn với cơ chế một cửa

- Tăng cường công tác kiểm soát TTHC. Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch đơn giản hóa TTHC để tiếp tục tạo thuận lợi cho người dân phát triển sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát thủ tục hành chính để kiến nghị với các cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi, thay thế, bãi bỏ các thủ tục hành chính chồng chéo, tính khả thi không cao, không phù hợp với quy định mới của pháp luật. Đặc biệt là các quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông nhằm tạo sự nhịp nhàng.

- Thực hiện công khai minh bạch các thủ tục hành chính bằng nhiều hình thức phù hợp để các tổ chức, cá nhân dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong công tác giải quyết các thủ tục hành chính đối với người dân, các tổ chức theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

4. Cải cách tổ chức bộ máy:

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố. Xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, hiện đại; nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức thôn.

5. Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức:

- Tổ chức thực hiện Luật cán bộ, công chức. Xây dựng phương án quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dự nguồn để bổ sung thay thế. Cử đội ngũ công chức trẻ có đủ phẩm chất, năng lực trình độ tham gia chương trình đào tạo lý luận chính trị, quản lý nhà nước. Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức và những công chức làm công tác tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Đến năm 2030, 100% cán bộ, công chức có trình độ đại học và được đào tạo lý luận chính trị và quản lý nhà nước.

biệt thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Vì theo quy định về số lượng cán bộ, công chức như hiện nay đối với cấp xã, số lượng tinh giản, vừa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn vừa thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gặp rất nhiều khó khăn, chông chéo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021-2030./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (báo cáo);
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- TT UBND xã;
- Các ban ngành, đoàn thể;
- Lưu: VP-UBND.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Văn Đoài



Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND, ngày 17/4/2020 của UBND xã)

T T	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành	10	14	12	30	45	11
2	Tuyên truyền CCHC						
-	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tổ chức=1, không tổ chức=0)	0	0	0	0	0	0
2	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC	0	0	0	0	0	0
3	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Trang TTĐT (Có xây dựng=1, không xây dựng=0)	0	0	0	0	1	1
4	Đo lường sự hài lòng của người dân						
-	Mức độ hài lòng chung	Hài lòng	Hài lòng	Hài lòng	Hài lòng	Hài lòng	Hài lòng
-	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Công TTĐT	0	0	0	0	0	0



Thông kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND, ngày 17/4/2020 của UBND xã)

TT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
		Tổng số văn bản Quy phạm pháp luật chủ trì soạn thảo đã được ban hành	6	6	0	0	0
1	Chia theo tên loại VBQPPL	1	3	0	0	0	1
2	Số VBQPPL được đề nghị sử đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát	0	0	0	0	0	0
3	Số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát	0	0	0	0	0	0
4	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	7	9	0	0	0	0
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền được xử lý	0	0	0	0	0	0